TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ- ST
Ngày 20 -11 - 2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái.

2. Ông Nguyễn Văn Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 164/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Cam Văn T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cam Văn T kết hôn ngày 02/8/2002, trước khi cưới có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bảo Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ). Sau ngày cưới hai vợ chồng về sống cùng nhau tại thôn L, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc sau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung, thường xuyên cãi vã, anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Gia đình họ hàng hai bên có biết, động viên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cam Văn T.

Về con chung: Chị và anh Cam Văn T có 02 con chung là Cam Thị Q, sinh năm 2003 và Cam Văn H, sinh năm 2006. Hiện các con chung đã trưởng thành nên chị không đề nghị tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2025, anh Cam Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn ngày 02/8/2002, trước khi cưới có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bảo Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ). Sau ngày cưới hai vợ chồng cùng nhau chung sống tại thôn L, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung, thường xuyên cãi vã, anh đi làm xa không quan tâm đến vợ con. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng do con đã lớn nên anh mong chị M về đoàn tụ cho con đỡ khổ, còn nếu chị M vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung là Cam Thị Q, sinh năm 2003 và Cam Văn H, sinh năm 2006. Hiện các con chung đã trưởng thành nên anh không đề nghị tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán T hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Cam Văn T. Về con chung không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M có đơn ly hôn đối với anh Cam Văn T. Bị đơn anh Cam Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Cam Văn T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Cam Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bảo Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ) ngày 02/8/2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có Tg nói chung, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Cam Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Cam Văn T sinh được 02 con là Cam Thị Q, sinh năm 2003 và Cam Văn H, sinh năm 2006; đều đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị Nguyễn Thị M và anh Cam Văn T đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Nguyễn

Thị M đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh theo Biên lai thu số 0001241 ngày 07 tháng 10 năm 2025 theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Cam Văn T .

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị M đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh theo Biên lai thu số 0001241 ngày 07 tháng 10 năm 2025

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh.
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Huân